TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **954**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-6-2023
Về việc Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nở.

Bà Phan Thanh Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Đào Thị Xuân Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 249/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 2151/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1980; địa chỉ: Số A1 đường D, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà **Phan Minh Phuong D,** sinh năm 1988; quốc tịch: Hoa Kỳ; địa chỉ: Hoa kỳ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày như sau: Năm 2006 ông và bà Phan Minh Phuong D biết nhau do bạn bè giới thiệu, hai người tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số A2 quyển số 13 ngày 27 tháng 9 năm 2007 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 9 năm 2007. Sau khi kết hôn, bà Phan Minh Phuong D chủ yếu sinh sống tại Hoa Kỳ, khoảng 6 tháng đến 01 năm mới sang Việt Nam, vợ chồng ông thường xuyên liên hệ qua điện thoại. Cuộc sống hôn nhân duy trì được khoảng 06 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về tính cách, quan điểm sống dẫn tới ly thân. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, ông đã cố gắng liên hệ với bà Phan Minh Phuong D để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có

kết quả. Do không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân như hiện tại, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn bà Phan Minh Phuong D.

Về con chung: Giữa ông và bà Phan Minh Phuong D không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa ông và bà Phan Minh Phuong D không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản.

Đối với bị đơn bà Phan Minh Phuong D: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo thời gian và địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ, theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu bà Phan Minh Phuong D có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo Công văn ủy thác tư pháp số 541/UTTPDS-TA30 ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 156/BTP-PLQT ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Bộ Tư pháp). Đến ngày mở phiên tòa như đã định tại thông báo gửi đương sự, Tòa án không nhận được bản tự khai, tài liệu, chứng cứ của bị đơn và bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Để đảm bảo việc giải quyết vụ án theo đúng thời hạn luật định và bảo đảm quyền lợi của đương sự khác, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm, đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về tố tụng dân sự; quan hệ tranh chấp của vụ án đã được xác định đúng, chứng cứ được thu thập hợp lệ; vụ án có yếu tố nước ngoài Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền; thủ tục ủy thác tư pháp đã được tiến hành hợp lệ. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa đã có văn bản trình bày ý kiến giao nộp cho Tòa án và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lời khai, tài liệu, chứng cứ, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án giải quyết vụ án theo luật định. Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho ly hôn. Về con chung và nợ chung nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu giải quyết vấn đề về tài sản nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, giấy chứng nhận kết hôn; căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại bản tự khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là bà Phan Minh Phuong D cư trú tại Hoa Kỳ; nguyên đơn ông Nguyễn Văn H cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án đã tống đạt thông báo về thời gian và địa điểm mở phiên tòa cho bị đơn thông qua thủ tục ủy thác tư pháp nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Xét, yêu cầu và ý kiến của nguyên đơn đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và 3 Điều 228, Khoản 4 và 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; Giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số A2 quyển số 13 ngày 27 tháng 9 năm 2007 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 9 năm 2007, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn H và bà Phan Minh Phuong D là hợp pháp.

Theo trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H thì sau khi kết hôn vào năm 2007, tuy cuộc sống hôn nhân kéo dài được khoảng 06 năm nhưng thực tế, vợ chồng ông chỉ chung sống với nhau trong khoảng thời gian rất ngắn, bà Phan Minh Phuong D chủ yếu sinh sống tại Hoa Kỳ. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh mà không thể giải quyết do hai người chỉ liên hệ với nhau qua điện thoại. Hiện tại, ông Hùng đã không còn chung sống hay liên hệ với bà Phan Minh Phuong D, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn đã tồn tại mâu thuẫn trong thời gian dài mà không thể giải quyết, vợ chồng không còn chung sống hay liên hệ gì với nhau thể hiện cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho ông Nguyễn Văn H được ly hôn bà Phan Minh Phuong D như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về con chung: Giữa ông Nguyễn Văn H và bà Phan Minh Phuong D không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Nguyên đơn trình bày giữa ông và bà Phan Minh Phuong D không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm; lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và 3 Điều 228, Khoản 4 và 5 Điều 477, Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 121 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Phan Minh Phuong D.

Giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số A2 quyển số 13 ngày 27 tháng 9 năm 2007 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 9 năm 2007 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Nguyên đơn trình bày không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Nguyên đơn trình bày giữa vợ chồng không có nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu phân chia tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm; lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số A3 ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp và chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; bị đơn cư trú ở nước ngoài không có mặt tại

phiên tòa nên thời hạn kháng cáo là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS. (TC17)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tuấn